

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024)
Ông Phùng Như Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2024)
Ông Trần Xuân Tài	Thành viên
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban
Ông Ngô Văn Lập	Thành viên
Bà Trương Thị Viên Trúc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2025)
Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024 & miễn nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2025)
Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2024)
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Vĩ	Kế toán trưởng
------------------	----------------

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc	Ngày 17 tháng 4 năm 2025	
Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc	Ngày 01 tháng 7 năm 2024	Ngày 17 tháng 4 năm 2025
Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc		Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ông Nguyễn Thanh Hải đã ủy quyền cho Ông Trần Đức Hạnh ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 313/UQ-SMBĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Trần Đức Hạnh
Phó Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 4 năm 2025

SỐ: 120 /VACO/BCKiT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 4 năm 2025, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo thông báo số 731/TB-CCTKV của Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo ngày 17 tháng 01 năm 2025, tổng số tiền nợ thuế chưa nộp vào Ngân sách Nhà nước của Công ty liên quan đến lô đất thuộc dự án Cảng Sao Mai - Bến Đình (không bao gồm số tiền mà Công ty đã tạm nộp trong năm 2024) tính đến 31 tháng 12 năm 2024 là 646.644.007.744 VND (trong đó, giá trị tiền thuê đất là 494.818.134.803 VND và tiền phạt chậm nộp là 151.825.872.941 VND), Công ty hiện tại chưa ghi nhận nghĩa vụ nêu trên trong Báo cáo tài chính. Cho đến ngày phát hành báo cáo này, với những tài liệu hiện có, Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các khoản mục được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 40 về sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính, trong đó trình bày về vấn đề cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1

A blue ink handwritten signature of Nguyễn Thị Thu Hiền.

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4262-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		486.102.693.188	515.083.662.953
I. Tiền	110	4	40.812.328.907	33.033.923.641
1. Tiền	111		40.812.328.907	33.033.923.641
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		307.000.000.000	347.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	307.000.000.000	347.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.308.078.909	115.642.514.146
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	59.297.916.430	88.136.521.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.674.631.861	11.010.411.479
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	41.867.449.348	30.027.499.937
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(13.531.918.730)	(13.531.918.730)
IV. Hàng tồn kho	140	10	39.695.892.095	11.563.412.165
1. Hàng tồn kho	141		39.695.892.095	11.563.412.165
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.286.393.277	7.843.813.001
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	311.264.398	400.393.739
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.649.271.810	7.217.562.193
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	325.857.069	225.857.069
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		319.288.324.069	287.221.508.446
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		63.941.359.775	76.800.018.436
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	63.941.359.775	76.800.018.436
- Nguyên giá	222		119.377.606.365	128.418.880.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.436.246.590)	(51.618.861.815)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	159.659.689.059	164.394.960.915
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(69.621.097.395)	(64.885.825.539)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		92.884.192.634	42.248.008.793
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	92.884.192.634	42.248.008.793
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.800.082.601	3.775.520.302
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.800.082.601	3.775.520.302
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		805.391.017.257	802.305.171.399

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		245.869.081.514	243.083.638.134
I. Nợ ngắn hạn	310		62.490.784.343	55.371.919.034
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	4.503.216.016	33.698.780.366
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	-	2.088.752.956
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	312.449.721	65.934.049
4. Phải trả người lao động	314		3.959.008.238	4.880.050.494
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	42.216.246.223	4.781.722.258
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	6.862.199.784	5.203.799.784
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	3.951.257.675	4.022.813.495
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		686.406.686	630.065.632
II. Nợ dài hạn	330		183.378.297.171	187.711.719.100
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	19	7.795.780	24.609.845
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	170.256.764.360	175.460.564.144
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	13.037.546.555	12.150.354.635
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		559.521.935.743	559.221.533.265
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	559.521.935.743	559.221.533.265
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.351.392.969	44.351.392.969
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.170.542.774	14.870.140.296
- LNST chưa phân phối lũy kế đến đầu năm	421a		14.407.256.242	10.241.299.755
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		763.286.532	4.628.840.541
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		805.391.017.257	802.305.171.399



Trần Đức Hạnh
Phó Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 4 năm 2025

Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	115.277.063.141	160.937.287.509
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		115.277.063.141	160.937.287.509
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	104.663.571.617	153.303.482.224
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.613.491.524	7.633.805.285
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	16.377.975.483	31.373.733.671
6. Chi phí tài chính	22	30	843.837.488	321.025.665
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.594.643	-
7. Chi phí bán hàng	25	31	582.444.108	582.444.120
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	25.670.700.194	31.849.959.404
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(105.514.783)	6.254.109.767
10. Thu nhập khác	31	32	3.991.552.114	370.647.502
11. Chi phí khác	32	33	2.235.558.879	1.108.724.808
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.755.993.235	(738.077.306)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.650.478.452	5.516.032.461
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	887.191.920	887.191.920
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		763.286.532	4.628.840.541
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	15	83



Trần Đức Hạnh
Phó Giám đốc

Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.650.478.452	5.516.032.461
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	8.584.996.631	8.396.489.281
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	16.150.723	93.262.304
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.807.476.663)	(30.743.180.809)
- Chi phí lãi vay	06	4.594.643	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.551.256.214)	(16.737.396.763)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	36.472.238.004	(83.454.002.054)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(28.132.479.930)	(9.609.648.296)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(35.910.464.064)	19.305.881.319
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.090.911.210	(5.138.244.818)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.594.643)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(100.000.000)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(406.543.000)	(140.778.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(32.542.188.637)	(95.774.188.612)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(16.097.361.092)	(6.421.767.706)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	6.893.940	40.580.808
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(595.000.000.000)	(409.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	635.000.000.000	479.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.420.336.149	32.195.336.991
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	40.329.868.997	95.814.150.093
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.791.556.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.791.556.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.730.065)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.730.065)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.785.950.295	39.961.481
Tiền đầu năm	60	33.033.923.641	33.052.713.569
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.545.029)	(58.751.409)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	40.812.328.907	33.033.923.641



Trần Đức Hạnh
 Phó Giám đốc

Phạm Minh VI
 Kế toán trưởng

Phạm Thị Hương Giang
 Người lập biểu

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 4 năm 2025

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 49121000147 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2012 và thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 4903000636 ngày 7 tháng 5 năm 2007 và thay đổi lần thứ 10 số 3500794814 ngày 5 tháng 7 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, tương đương 50.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Upcom với mã chứng khoán là PSB.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 68 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 74 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình; Khai thác cụm cảng container;
- Sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; Dịch vụ đại lý tàu biển; Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí;
- Xây dựng cảng; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; Kho chứa các sản phẩm dầu khí; Các công trình đường ống dẫn dầu, khí, nhiên liệu;
- Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải;
- Kinh doanh phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội địa; Vận tải hàng bằng đường bộ; Vận tải dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Cho thuê các phương tiện vận tải; Cho thuê kho bãi;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê lại lao động.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh là các thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán và công bố.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)***

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc, thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán; được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 - 49 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng và các chi phí bảo trì, sửa chữa, dịch vụ mua ngoài khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Bên liên quan (Tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan:

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC - M&C	Thành viên PTSC
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC - Hotel	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	PTSC - SB	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	PTSC - Đà Nẵng	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	PTSC - POS	Thành viên PTSC

Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ của PTSC
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC - MS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PVC - PT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	PV Gas South	Thành viên PVN
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - XN Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc	PV Gas D - NT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	PVFCCO - ĐNB	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	PV Oil Vũng Tàu	Thành viên PVN
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, quản lý và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này		Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

4. TIỀN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	109.214.080	168.191.065
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.703.114.827	32.865.732.576
Cộng	40.812.328.907	33.033.923.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	307.000.000.000	307.000.000.000	347.000.000.000	347.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	120.000.000.000	120.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	115.000.000.000	115.000.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Vũng Tàu	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Chợ Lớn	-	-	65.000.000.000	65.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
VP Bank	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
Các ngân hàng khác	2.000.000.000	2.000.000.000	47.000.000.000	47.000.000.000

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất được hưởng từ 4,4% đến 5,0% năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	18.881.773.432	72.157.524.339
<i>Các thành viên thuộc Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC):</i>		
- Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	164.856.710	1.664.421.370
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng hải	829.232.358	1.327.023.467
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	14.339.096.775	65.387.081.342
<i>Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)</i>		
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	3.548.587.589	3.778.998.160
b) Phải thu của khách hàng khác	40.416.142.998	15.978.997.121
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	13.531.918.730
Hyundai Heavy Industries Co., Ltd	-	501.357.485
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	26.341.034.185	1.138.183.640
Khách hàng khác	543.190.083	807.537.266
Cộng	59.297.916.430	88.136.521.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Techcrane International, LLC	-	10.050.982.800
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VINA E & C (i)	5.759.580.756	-
Công ty TNHH Xây dựng An Lạc	2.510.451.426	-
Nhà cung cấp khác	404.599.679	959.428.679
Cộng	8.674.631.861	11.010.411.479

- (i) Đây là khoản thanh toán tạm ứng 10% giá trị của Hợp đồng số 10-2024/PVSB(KTKH)-VINA E & C ngày 30 tháng 8 năm 2024 về gói thầu thi công công trình san lấp mặt bằng Phân khu 1 - Phân kỳ 2 (5,2 ha) thuộc dự án Đầu tư xây dựng Khu dịch vụ Dầu khí 35ha. Hiện tại, hạng mục này đã hoàn thành trong tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, hai bên vẫn chưa thực hiện quyết toán do Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VINA E & C chưa cung cấp được thông tin nguồn gốc xuất xứ của nguồn cát sử dụng cho công trình (Xem thuyết minh số 19).

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	41.867.449.348	30.027.499.937
Ký quỹ	-	7.500.000
Lãi dự thu	3.731.123.288	4.350.876.714
Tạm ứng của ông Trần Đức Hạnh - Bên liên quan	142.682.000	-
Doanh thu trích trước từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	37.860.373.422	25.531.099.266
a1) Bên liên quan - Thành viên của PTSC		
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	23.924.303.911
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	4.959.615	-
- Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	23.862.791.475	1.094.384.801
+ Tiền thuê đất (i)	22.995.202.096	-
+ Trích trước tiền điện, nước	867.589.379	1.094.384.801
a2) Bên liên quan - Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)		
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	13.992.622.332	464.078.985
+ Trích trước tiền thuê đất (i)	13.304.797.902	-
+ Trích trước tiền điện, nước	687.824.430	464.078.985
a3) Đối tượng khác:		
- Techcrane International, LLC	-	48.331.569
Các khoản phải thu khác	133.270.638	138.023.957
b) Phải thu dài hạn khác	3.000.000	3.000.000
Ký quỹ	3.000.000	3.000.000
Cộng	41.870.449.348	30.030.499.937

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**

- (i) Ngày 28 tháng 7 năm 2022, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo ban hành Thông báo về việc nộp tiền thuê đất của Công ty đối với lô đất 819.325,4 m² để đầu tư Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 12 tháng 02 năm 2015 (giai đoạn trước khi Công ty đầu tư xây dựng trên khu đất này). Theo đó, Công ty đã cam kết tạm nộp với số tiền 60.000.000.000 VND trong năm 2024, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Công ty chỉ mới tạm nộp 30.000.000.000 VND. Giai đoạn này Công ty xác định chưa có đầy đủ hồ sơ pháp lý liên quan như: Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất, Biên bản bàn giao thực địa, ngoài ra, diện tích đất tính tiền thuê đất theo Thông báo của Cơ quan thuế chưa đúng với diện tích đất sử dụng thực tế của Công ty. Vì vậy, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với Sở Tài nguyên Môi trường theo hướng dẫn của Văn phòng Đăng ký sử dụng đất để xác định lại diện tích sử dụng cho giai đoạn này. Đồng thời, Công ty cũng đang đề nghị Chi cục thuế Khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo không áp dụng khoản phạt chậm nộp tiền thuê đất của giai đoạn này vì những lý do khách quan nêu trên (Xem Thuyết minh số 37).

Theo các thỏa thuận cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình giữa Công ty và hai đơn vị: Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (“PVC-MS”) số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 09 tháng 8 năm 2010 và Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (“PV Shipyard”) số CN0107001/HDKT-PVSB ngày 06 tháng 12 năm 2007, giá thuê sẽ bao gồm các chi phí sử dụng đất, tiền thuê đất mà Công ty phải trả cho Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định cộng với 10% chi phí quản lý (Giá thuê bao gồm chi phí đầu tư xây dựng cộng với các khoản chi phí sử dụng đất phải nộp cho địa phương theo quy định). Tuy nhiên, kể từ khi Công ty ký hợp đồng cho thuê mặt bãi với PV Shipyard và PVC-MS, giá trị cho thuê chỉ tính toán trên giá trị đầu tư hạ tầng là chính, còn chi phí thuê và sử dụng đất phải đóng cho địa phương chưa đưa vào vì chưa có các thông báo của cơ quan thuế.

Khoản tiền thuê đất giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 mà Công ty đã tạm nộp với số tiền là 30.000.000.000 VND (Xem Thuyết minh số 12) cho giai đoạn 2008 – 2015 đã được Công ty xuất hóa đơn để thu lại từ 2 đơn vị nêu trên cùng với 10% chi phí quản lý tương ứng (Xem Thuyết minh số 32). Đến thời điểm phát hành báo cáo này thì PV Shipyard và PVC-MS vẫn chưa thanh toán cho Công ty khoản nợ nêu trên.

9. NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-
Hàng hải Sài Gòn				
Cộng	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	11.482.944.818	-
Hàng hóa	39.695.892.095	-	80.467.347	-
Cộng	39.695.892.095	-	11.563.412.165	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	311.264.398	400.393.739
Phí bảo hiểm, kiểm định	211.819.896	222.694.798
Chi phí khác	99.444.502	177.698.941
b) Dài hạn	2.800.082.601	3.775.520.302
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	281.552.143	361.682.080
Chi phí sửa chữa	2.203.693.748	3.130.596.801
Khác	314.836.710	283.241.421
Cộng	3.111.346.999	4.175.914.041

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Tại ngày	Số phải nộp	Số đã thực nộp/	Tại ngày
	01/01/2024	trong năm	bù trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu	225.857.069	1.275.900	101.275.900	325.857.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.756.995	-	100.000.000	319.756.995
Các loại thuế khác	6.100.074	1.275.900	1.275.900	6.100.074
b) Phải nộp	65.934.049	35.915.079.246	35.668.563.574	312.449.721
Thuế giá trị gia tăng	-	868.847.354	868.847.354	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.759.485.914	2.759.485.914	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	25.665.437	25.665.437	-
Thuế thu nhập cá nhân	65.934.049	2.258.080.541	2.011.564.869	312.449.721
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-

- (i) Tiền thuê đất tạm nộp cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 14 tháng 02 năm 2015 (giai đoạn trước khi Công ty đầu tư xây dựng trên khu đất này) của Công ty đối với lô đất 819.325,4 m² để đầu tư Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình như trình bày tại thuyết minh số 08 và thuyết minh số 37.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2024	88.179.034.560	1.171.900.000	4.498.472.882	159.620.000	34.409.852.809	128.418.880.251
- Mua trong năm	-	1.759.259.259	1.779.945.431	65.260.000	-	3.604.464.690
- Giảm khác (i)	(12.613.398.576)	-	-	-	-	(12.613.398.576)
- Thanh lý	-	-	-	(32.340.000)	-	(32.340.000)
Tại ngày 31/12/2024	75.565.635.984	2.931.159.259	6.278.418.313	192.540.000	34.409.852.809	119.377.606.365
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2024	16.959.528.341	719.595.711	3.256.199.388	133.719.998	30.549.818.377	51.618.861.815
- Khấu hao trong năm	2.227.295.284	163.010.328	359.931.736	24.102.015	1.285.608.720	4.059.948.083
- Giảm khác	(210.223.308)	-	-	-	-	(210.223.308)
- Giảm do thanh lý	-	-	-	(32.340.000)	-	(32.340.000)
Tại ngày 31/12/2024	18.976.600.317	882.606.039	3.616.131.124	125.482.013	31.835.427.097	55.436.246.590
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	71.219.506.219	452.304.289	1.242.273.494	25.900.002	3.860.034.432	76.800.018.436
Tại ngày 31/12/2024	56.589.035.667	2.048.553.220	2.662.287.189	67.057.987	2.574.425.712	63.941.359.775

- (i) Đây là chi phí di dời, hoàn trả cho hạng mục “di dời lắp đặt nhà xưởng hiện hữu” thuộc Công trình “Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (Nối từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)”. Hạng mục này đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo Quyết định số 62/QĐ-SMBĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Công ty. Theo Quyết định này, hạng mục nêu trên hiện chưa ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định, do vậy Công ty thực hiện điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ, khấu hao và ghi nhận tăng giá trị xây dựng cơ bản dở dang (Xem Thuyết minh số 16).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 32.754.160.770 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 29.597.570.227 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	53.372.880	53.372.880
Tại ngày 31/12/2024	53.372.880	53.372.880
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	53.372.880	53.372.880
Tại ngày 31/12/2024	53.372.880	53.372.880
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 53.372.880 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 53.372.880 VND).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	229.280.786.454	229.280.786.454
Tại ngày 31/12/2024	229.280.786.454	229.280.786.454
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	64.885.825.539	64.885.825.539
- Khấu hao trong năm	4.735.271.856	4.735.271.856
Tại ngày 31/12/2024	69.621.097.395	69.621.097.395
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	164.394.960.915	164.394.960.915
Tại ngày 31/12/2024	159.659.689.059	159.659.689.059

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

	Nguyên giá
	VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)	97.399.118.187
Cộng	229.280.786.454

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2009 (Hợp đồng kinh tế số 0107001/HĐKT-PVSB ngày 6 tháng 12 năm 2007). Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2010 và sau đó được thuê bởi Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí từ năm 2010 (Hợp đồng kinh tế số 23/PVSB-PVC/12-09/M ngày 11 tháng 12 năm 2009 và Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 9 tháng 8 năm 2010). Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 49 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này vì Công ty nắm giữ bất động sản đầu tư dài hạn nhằm mục đích cho thuê để thu lợi ích và không có kế hoạch chuyển nhượng trong tương lai gần.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (i)	38.611.148.885	38.472.788.885
Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình (ii)	41.465.356.991	1.934.142.467
Dự án Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và Di dời, lắp đặt Nhà xưởng hiện hữu (iii)	12.725.868.576	-
Dự án khác	81.818.182	81.818.182
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	-	1.759.259.259
Cộng	92.884.192.634	42.248.008.793

- (i) Các chi phí ban đầu (bồi thường, rà phá bom mìn, vật liệu nổ, đền bù giải phóng mặt bằng) triển khai cho việc thực hiện đầu tư dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo quyết định của Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, thanh toán tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án theo các hướng dẫn của UBND tỉnh (*thông tin bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xem tại Thuyết minh số 37*).
- (ii) Các chi phí đầu tư dở dang riêng cho dự án thành phần là Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình trong tổng diện tích đất đã được bàn giao đợt 1 cho Công ty. Trong năm, Công ty đã hoàn thành hạng mục san lấp mặt bằng Phân khu 1 - Phân kỳ 2 cho diện tích 5,2 ha. Cho đến hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục triển khai san lấp hạng mục tiếp theo.
- (iii) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 13, đây là chi phí liên quan hạng mục “di dời lắp đặt nhà xưởng hiện hữu” thuộc Công trình “Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (Nối từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)”, bao gồm phần giá trị chuyển từ tài sản cố định trong kỳ (xem Thuyết Minh số 13). Giá trị hạng mục này sẽ được tập hợp và phân bổ khi Dự án Công trình “Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (Nối từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)” thực hiện hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán là các bên liên quan	354.735.052	354.735.052	148.612.898	148.612.898
<i>i) Bên liên quan - Thành viên PTSC</i>				
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng Hải	-	-	45.360.000	45.360.000
- Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	354.735.052	354.735.052	-	-
<i>ii) Bên liên quan - Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)</i>				
- Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	-	-	97.434.848	97.434.848
- Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	-	5.818.050	5.818.050
b) Phải trả người bán là các đối tượng khác	4.148.480.964	4.148.480.964	33.550.167.468	33.550.167.468
Techcrane International, LLC	3.372.567.196	3.372.567.196	-	-
Công ty TNHH Hải Lưu	36.525.773	36.525.773	24.914.880.330	24.914.880.330
Công ty CP Thương mại Kỹ thuật Toàn Cầu	-	-	1.478.400.000	1.478.400.000
Công ty CP Xây dựng Phúc Hưng Cons	-	-	3.731.653.298	3.731.653.298
Công ty TNHH Dịch vụ thử không phá hủy Q.I.S	-	-	1.520.591.304	1.520.591.304
Nhà cung cấp khác	739.387.995	739.387.995	1.904.642.536	1.904.642.536
Cộng	4.503.216.016	4.503.216.016	33.698.780.366	33.698.780.366

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) - Bên liên quan	-	2.088.752.956
Cộng	-	2.088.752.956

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	42.216.246.223	4.781.722.258
Trích trước chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	170.565.000	2.749.375.999
Trích trước chi phí thi công san lấp mặt bằng (i)	37.524.409.993	-
Chi phí khác	4.521.271.230	2.032.346.259
b) Dài hạn	7.795.780	24.609.845
Trích trước chi phí ký quỹ bảo lãnh bảo hành công trình	7.795.780	24.609.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP THEO)

- (i) Như đã trình bày ở thuyết minh số 7, việc san lấp mặt bằng cho Phân khu 1 – Phân kỳ 2 (5,2 ha) đã hoàn thành, tuy nhiên do phía Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VINA E & C (“VINA E & C”) chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của Công ty nên hai bên vẫn chưa quyết toán công trình này đồng thời Công ty cũng chưa thực hiện thanh toán công nợ phải trả còn lại cho VINA E & C (sau khi trừ đi 10% giá trị đã tạm ứng theo hợp đồng).

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, Tòa án Nhân dân Thành phố Vũng Tàu đã đưa ra Thông báo số 124/2024/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm liên quan đến Tranh chấp hợp đồng thi công giữa VINA E & C và Công ty theo đơn khởi kiện của VINA E & C, buộc Công ty phải thanh toán một phần công nợ phải trả liên quan đến chi phí thi công san lấp mặt bằng mà VINA E & C đã hoàn thành trong tháng.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, Tòa án Nhân dân Thành phố Vũng Tàu đã đưa ra bản án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty VINA E & C và buộc Công ty phải thanh toán tiền thi công san lấp cùng với tiền tạm ứng án phí cho VINA E & C cùng với nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho Tòa.

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn từ bên liên quan	6.862.199.784	5.203.799.784
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (i)	1.440.000.000	-
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (ii)	3.017.358.087	3.017.358.087
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (ii)	2.186.441.697	2.186.441.697
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	218.400.000	-
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	170.256.764.360	175.460.564.144
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (ii)	96.555.458.802	99.572.816.889
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (ii)	73.701.305.558	75.887.747.255
(i) Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu với diện tích 3ha, thời gian thuê 10 tháng kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2024.		
(ii) Số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu cho tổng thời gian thuê 48 – 49 năm tương ứng phần diện tích cho thuê. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm trong thời gian 48 và 49 năm kể từ thời điểm cho thuê.		

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.948.649.430	3.950.379.495
Các khoản phải trả khác	2.608.245	72.434.000
Cộng	3.951.257.675	4.022.813.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.150.354.635	11.263.162.715
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	887.191.920	887.191.920
Số dư cuối kỳ	13.037.546.555	12.150.354.635

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của bất động sản đầu tư do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	500.000.000.000	44.351.392.969	10.342.344.237	554.693.737.206
Lãi trong năm	-	-	4.628.840.541	4.628.840.541
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(101.044.482)	(101.044.482)
Tại ngày 31/12/2023	500.000.000.000	44.351.392.969	14.870.140.296	559.221.533.265
Lãi trong năm	-	-	763.286.532	763.286.532
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(462.884.054)	(462.884.054)
Tại ngày 31/12/2024	500.000.000.000	44.351.392.969	15.170.542.774	559.521.935.743

- (i) Theo Nghị Quyết số 70/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 với số tiền là 462.884.054 VND.

Cổ phiếu	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	255.000.000.000	51%	255.000.000.000	51%
Phần vốn của các đối tượng khác	245.000.000.000	49%	245.000.000.000	49%
Cộng	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	100,00	767.668,26

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đã xử lý

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco)	10.530.000.000	10.530.000.000

Tại ngày 29 tháng 11 năm 2021, Sopewaco đã bị Tòa án Nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 01/2021/QĐ-TBPS tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản. Do đó, Công ty đã đánh giá khoản đầu tư này không thể thu hồi được và tiến hành xử lý tổn thất khoản đầu tư theo quy định hiện hành.

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng
- Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư và các dịch vụ đi kèm.
- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bảng cân đối kế toán:

	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí		Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
Tại ngày 31/12/2024	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	362.941.443.767	13.906.171.938	73.081.741.677	449.929.357.382
Tài sản không phân bổ				355.461.659.875
Tổng tài sản				805.391.017.257
Nợ phải trả bộ phận	228.692.378.893	7.795.780	7.609.849.771	236.310.024.444
Nợ phải trả không phân bổ				9.559.057.070
Tổng nợ phải trả				245.869.081.514

	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí		Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
Tại ngày 01/01/2024	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	279.363.407.740	122.185.364.666	12.631.919.710	414.180.692.116
Tài sản không phân bổ				388.124.479.283
Tổng tài sản				802.305.171.399
Nợ phải trả bộ phận	199.305.760.167	32.049.181.683	1.820.057.475	233.174.999.325
Nợ phải trả không phân bổ				9.908.638.809
Tổng nợ phải trả				243.083.638.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí			
Năm 2024	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	32.387.394.311	23.998.282.066	58.891.386.764	115.277.063.141
Giá vốn	26.745.566.100	21.741.357.866	56.176.647.651	104.663.571.617
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.641.828.211	2.256.924.200	2.714.739.113	10.613.491.524
Chi phí không phân bổ				(26.253.144.302)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(15.639.652.778)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				15.534.137.995
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				(105.514.783)
Lợi nhuận khác				1.755.993.235
Lợi nhuận trước thuế				1.650.478.452
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				763.286.532
Thông tin khác				
Khấu hao				8.584.996.631

	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí			
Năm 2023	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	19.249.557.760	105.168.532.492	36.519.197.257	160.937.287.509
Giá vốn	16.953.980.104	101.756.350.157	34.593.151.963	153.303.482.224
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.295.577.656	3.412.182.335	1.926.045.294	7.633.805.285
Chi phí không phân bổ				(32.432.403.524)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(24.798.598.239)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				31.052.708.006
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				6.254.109.767
Lợi nhuận khác				(738.077.306)
Lợi nhuận trước thuế				5.516.032.461
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				4.628.840.541
Thông tin khác				
Khấu hao				8.396.489.281

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	11.756.797.184	5.203.799.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.442.846.104	139.125.894.025
Doanh thu bán hàng hóa	33.077.419.853	16.607.593.700
Cộng	115.277.063.141	160.937.287.509

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	8.012.743.080	4.735.271.856
Giá vốn cung cấp dịch vụ	64.837.334.860	132.264.687.856
Giá vốn bán hàng hóa	31.813.493.677	16.303.522.512
Cộng	104.663.571.617	153.303.482.224

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.042.897.690	23.566.064.744
Chi phí nhân công	44.207.637.832	85.829.350.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.584.996.631	8.396.489.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.440.427.188	56.268.444.687
Chi phí khác	5.398.737.904	6.845.028.618
Cộng	88.674.697.245	180.905.377.720

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.800.582.723	30.702.600.001
Lãi chênh lệch tỷ giá	577.392.760	671.133.670
Cộng	16.377.975.483	31.373.733.671

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.594.643	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	839.242.845	321.025.665
Cộng	843.837.488	321.025.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí khấu hao TSCĐ	582.444.108	582.444.120
Cộng	582.444.108	582.444.120
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	15.685.813.194	18.926.761.379
Chi phí vật liệu quản lý	1.045.575.691	1.482.098.876
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.521.283.776	1.955.467.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.544.866.600	3.195.369.405
Các khoản chi phí QLDN khác	4.873.160.933	6.290.262.014
Cộng	25.670.700.194	31.849.959.404

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	6.893.940	1.136.364
Thu tiền phạt giao hàng chậm	984.658.116	45.153.926
Thu nhập từ 10% chi phí quản lý tiền thuê đất (i)	2.999.999.998	-
Thu nhập khác	60	324.357.212
Cộng	3.991.552.114	370.647.502

- (i) Khoản thu nhập liên quan chênh lệch 10% chi phí quản lý của giá trị tiền thuê đất đã xuất cho hai đơn vị thuê đất – PV Shipyard và PVC MS trong năm 2024 (Xem thuyết minh số 8).

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Phạt giao hàng chậm	2.234.986.659	1.108.724.808
Chi phí khác	572.220	-
Cộng	2.235.558.879	1.108.724.808

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.650.478.452	5.516.032.461
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(4.438.983.611)	(3.488.149.241)
Trừ: Chi phí được khấu trừ	(4.974.956.654)	(4.435.959.600)
- Chênh lệch khấu hao	(4.435.959.600)	(4.435.959.600)
- Quỹ lương dự phòng năm 2023 chuyển sang thực hiện năm 2024	(445.734.750)	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền và phải thu cuối năm trước	(93.262.304)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ và điều chỉnh tăng	535.973.043	947.810.359
Thu nhập chịu thuế	(2.788.505.159)	2.027.883.220
Chuyển lỗ	-	(2.027.883.220)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản lỗ tính thuế là 3.918.310.998 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ	Kỳ chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2024	Số lỗ còn được chuyển	Tình hình quyết toán thuế
	VND		VND	VND	
2019	356.725.976	2020 - 2024	356.725.976	-	Chưa quyết toán
2021	1.680.165.582	2022 - 2026	1.675.657.244	4.508.338	Chưa quyết toán
2022	1.125.297.501	2023 - 2027	-	1.125.297.501	Chưa quyết toán
2024	2.788.505.159	2025 - 2029	-	2.788.505.159	Chưa quyết toán
			2.032.383.220	3.918.310.998	

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	763.286.532	4.628.840.541
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(462.884.054)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	763.286.532	4.165.956.487
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	83

- (i) Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính (“Thông tư 200”), lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trên cổ phiếu không bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong năm 2024, Ban giám đốc đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 462.884.054 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 70/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2024.

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	593.100.000	593.100.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.372.400.000	2.372.400.000
Trên 5 năm	16.606.800.000	17.199.900.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện: Tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 5.000 m² tại bãi thi công của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo phụ lục hợp đồng thuê được ký với thời hạn được tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2057.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

37. THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN*i. Thông tin về các khoản nợ tiềm tàng*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình tiếp tục xin điều chỉnh giấy phép đầu tư để dự án cảng Sao Mai - Bến Đình ("SM - BD") được công nhận là dự án cảng biển thuộc danh mục đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015 ("Nghị định 118" - được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021). Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014 ("Nghị định 46"), các dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 03 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến hết ngày 11 tháng 02 năm 2018).

Trên cơ sở các văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư của Chính phủ; Ủy ban nhân dân ("UBND") tỉnh và Văn bản hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ("BR - VT"); cũng như Văn bản hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về điều chỉnh quy mô Dự án theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước; Công ty đang triển khai thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định hiện hành (*mục (ii) dưới đây*).

Tổng số tiền nợ thuế chưa nộp NSNN của Công ty tính đến 31 tháng 12 năm 2024 là 646.644.007.744 VND (trong đó, giá trị tiền thuê đất là 494.818.134.803 VND và tiền phạt chậm nộp là 151.825.872.941 VND) căn cứ theo Thông báo số 731/TB-CCTKV của Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Tiền thuê đất hiện nay được tính cho 03 giai đoạn:

- ✓ Giai đoạn 1 (từ ngày 24 tháng 03 năm 2008 đến ngày 12 tháng 02 năm 2015): Giai đoạn trước khi có Quyết định của UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cho thuê đất đợt 1. Số tiền phải nộp: tiền thuê đất: 97.831.054.199 VND (đã trừ 30.000.000.000 VND tạm nộp - xem thuyết minh số 8), tiền chậm nộp: 24.217.610.355 VND, tổng số tiền phải nộp: 122.048.664.554 VND. Công ty đã tạm tính phân bổ cho Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí ("PVC-MS") và Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard") là: 83.427.837.597 VND.

Trong giai đoạn này chưa có đầy đủ thủ tục pháp lý liên quan như Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng thuê đất, Biên bản bàn giao đất. Cơ quan thuế căn cứ các Hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng giữa Công ty và 02 đơn vị, căn cứ văn bản của Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận diện tích đất sử dụng thực tế để tính nghĩa vụ nộp tiền thuê đất của Công ty.

Do Công ty không sử dụng đất thực tế trong giai đoạn này và Công ty PVC-MS sử dụng đất sau ngày 24 tháng 3 năm 2008 nên Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng để hiệu chỉnh giảm diện tích thực tế sử dụng, giảm thời gian thực tế sử dụng. Tương ứng, số tiền Công ty đề nghị hiệu chỉnh giảm là: 38.620.826.957 VND theo Công văn số 552/SMBĐ-TCKT ngày 12 tháng 8 năm 2024 gửi Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo và Văn phòng Đăng ký Đất đai - Sở Tài Nguyên và Môi trường.

- ✓ Giai đoạn 2 (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến ngày 11 tháng 02 năm 2018): Giai đoạn từ khi có Quyết định cho thuê đất đến hết 03 năm tiếp theo - thực hiện xây dựng cơ bản: đã có quyết định miễn tiền thuê đất của Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- ✓ Giai đoạn 3 (từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 đến ngày 12 tháng 02 năm 2029): Giai đoạn 11 năm tiếp sau 03 năm xây dựng cơ bản - Công ty đang xin ưu đãi đầu tư đặc biệt cho mục tiêu đầu tư "cảng biển". Do Công ty phải điều chỉnh lại quy mô dự án cho phù hợp với quy hoạch của Tỉnh, nên việc xem xét phê duyệt Dự án đang bị chậm so với kế hoạch. Công ty đang tích cực giải trình, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Dự án. Trong trường hợp, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư nhưng không được hưởng ưu đãi, số tiền sẽ phải nộp bao gồm tiền thuê đất: 396.987.080.604 VND, tiền chậm nộp: 127.608.262.586 VND, tổng số tiền phải nộp: 524.595.343.190 VND. Công ty đã tạm tính số tiền được phân bổ cho các bên theo diện tích sử dụng lần lượt là: Công ty: 123.980.324.688 VND, PV Shipyard: 253.780.256.570 VND, PVC-MS: 146.834.761.932 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

37. THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN (TIẾP THEO)

i. Thông tin về các khoản nợ tiềm tàng (Tiếp theo)

Hiện tại, Công ty vẫn đang nỗ lực thực hiện các thủ tục điều chỉnh dự án, vận dụng các quy định pháp luật để dự án Cảng Sao Mai – Bến Đình được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định của nghị định 118 (được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021). Công ty xác định, nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đất sẽ chỉ được xác nhận sau khi có quyết định dự án Cảng Sao Mai Bến Đình đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi và có tiếp tục được miễn tiền thuê đất hay không. Do vậy, Công ty tạm thời chưa ghi nhận nghĩa vụ liên quan khoản tiền thuê đất nêu trên trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

ii. Thông tin về điều chỉnh dự án đầu tư

Theo Nghị quyết số 74/NQ-SMBĐ-ĐHCD ngày 12 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chủ trương điều chỉnh giảm quy mô dự án đầu tư: Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình với tổng diện tích sử dụng của dự án đầu tư sau điều chỉnh là 112,5 ha (diện tích dự án đầu tư trước điều chỉnh là 161,5 ha). Mục đích điều chỉnh giảm quy mô dự án để thực hiện Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu, tỉnh BR - VT đến năm 2035, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty. Tháng 10 năm 2022, Công ty đã thực hiện lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí SM - BĐ theo quy định của Luật đầu tư 2020 và nộp đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được xem xét thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư để được hưởng ưu đãi đầu tư.

Từ giai đoạn đó đến nay, Công ty đã thực hiện các thủ tục, bổ sung hồ sơ dự án theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tới thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện hoàn thiện lại hồ sơ điều chỉnh chủ trương dự án theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 9613/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 21 tháng 11 năm 2024 để tiến hành nộp lại hồ sơ điều chỉnh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày trong các thuyết minh số 6, 8, 17, 18, 20 và 23; trong năm, Công ty còn các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<u>Doanh thu</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	53.476.040.647	96.135.144.689
PTSC - M&C	-	20.153.927.204
PV Shipyard	13.995.155.770	11.586.802.845
PTSC - POS	-	310.797.630
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	6.466.449.001	7.351.957.285
<u>Mua hàng hóa, dịch vụ</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Hotel	236.300.000	622.425.745
PTSC - M&C	-	75.160.000
PTSC - SB	108.862.500	2.156.211.909
PTSC - Đà Nẵng	-	1.296.000
PV Shipyard	983.935.128	2.720.270.690
Các thành viên thuộc PVN		
PV Oil Vũng Tàu	454.654.820	935.893.003
PV Gas South	-	4.381.404.300
PVI Vũng Tàu	597.473.099	345.148.149
<u>Thu tiền bán hàng</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	132.647.603.733	15.151.930.387
PTSC - M&C	4.634.784.632	27.761.234.547
PV Shipyard	16.120.532.657	5.611.106.000
PTSC - POS	-	498.144.497
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	6.890.917.451	3.880.851.124
<u>Thanh toán tiền mua hàng</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - SB	123.478.770	2.233.143.108
PTSC - Hotel	255.359.523	693.951.821
PTSC - M&C	45.360.000	35.812.800
Các thành viên thuộc PVN		
PV Oil Vũng Tàu	500.120.302	1.004.185.109
PVN	57.918.341	157.500.000
PVI Vũng Tàu	618.742.472	493.594.083
PVI Phía Nam	34.209.730	36.984.123
PV Gas South	-	4.819.544.730
<u>Chi hộ</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	1.527.545.825	257.000.000
<u>Thu lại tiền chi hộ</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	1.527.545.825	257.000.000
<u>Thu tiền bồi thường</u>		
Các thành viên thuộc PVN		
PVI Vũng Tàu	-	45.153.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý được hưởng trong năm như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I.	Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		1.819.715.464	2.134.705.015
1	Phạm Văn Hùng	Chủ tịch	60.000.000	6.000.000
2	Trần Hải Bình	Chủ tịch	-	530.816.203
3	Phùng Như Dũng	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	618.104.737	663.951.881
4	Dương Hùng Văn	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	378.245.498	-
5	Đặng Thanh Hải	Thành viên	36.000.000	36.000.000
6	Trần Xuân Tài	Thành viên	36.000.000	36.000.000
7	Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc	-	365.294.091
8	Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	691.365.229	496.642.840
II.	Ban kiểm soát		615.639.919	444.328.657
III.	Kế toán trưởng		584.925.351	424.815.930
1	Phạm Minh Vĩ	Kế toán trưởng	584.925.351	424.815.930
	Cộng		3.020.280.734	3.003.849.602

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thu từ lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 3.731.123.288 VND (năm 2023: 4.350.876.714 VND), thể hiện khoản thu nhập từ lãi tiền gửi chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nhưng đã bao gồm 4.350.876.714 VND là lãi tiền gửi dự thu năm trước nhận được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 36.633.369.500 VND (năm 2023: 5.101.006.387 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, nhưng đã bao gồm 8.270.032.182 VND (năm 2023: 570.000.000 VND) là khoản tiền ứng trước mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được ghi nhận trong năm sau. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả và tăng, giảm các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, Công ty đã nhận được các Quyết định liên tiếp từ số 2309 đến 2318/QĐ-CCTKV của Chi Cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo quyết định về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với Công ty bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản ngân hàng để nộp thuế và yêu cầu phong tỏa tài khoản ở các ngân hàng thương mại mà Công ty mở để thi hành thông báo số 45465/TB-CCTKV ngày 11 tháng 02 năm 2025 do Công ty có tiền thuế nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết hạn theo quy định, với tổng số tiền bị cưỡng chế là 597.113.740.315 VND. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2025 đến ngày 26 tháng 03 năm 2025. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, các quyết định về việc cưỡng chế trên đã hết hiệu lực thi hành, các tài khoản thanh toán của Công ty đã được gỡ phong tỏa và các giao dịch hoạt động bình thường.

Từ ngày 07 tháng 02 đến ngày 13 tháng 02 năm 2025, Công ty đã có các đơn xin từ nhiệm công tác, thôi giữ chức vụ của Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty. Các đơn từ nhiệm này vẫn đang được Hội đồng Quản trị Công ty xem xét và sẽ trình duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới.



Trần Đức Hạnh
Phó Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 4 năm 2025

Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

